

B. ĐO ĐẠI LƯỢNG - CKI – MỨC ĐỘ 1

I/Trắc nghiệm

Chọn chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu1: $1\text{m} = \dots\dots\dots \text{km}$
a. 0,1 b. 0,01 c. 0,001 d. 0,0001

Câu2: $1\text{mm} = \dots\dots\dots \text{dm}$
a. 0,1 b. 0,01 c. 0,001 d. 0,0001

Câu 3: $1\text{kg} = \dots\dots\dots \text{tạ}$
a. 0,1 b. 0,01 c. 0,001 d. 0,0001

Câu4: $1\text{dag} = \dots\dots\dots \text{kg}$
a. 0,1 b. 0,001 c. 0,01 d. 0,0001

Câu 5: $1\text{ha} = \dots\dots\dots \text{km}^2$
a. 0,01 b. 0,01 c. 0,001 d. 0,0001

Câu 6: $1\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{hm}^2$
a. 0,1 b. 0,01 c. 0,001 d. 0,01

Câu 7: $1\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{km}^2$
a. 0,001 b. 0,0001 c. 0,00001 d. 0,000001

Câu 8: $1\text{năm} = \dots\dots\dots \text{thế kỉ}$
a. 0,1 b. 0,01 c. 0,001 d. 0,0001

Câu 9: Hai đơn vị đo khối lượng liền nhau, đơn vị bé bằng bao nhiêu phần đơn vị lớn bao nhiêu lần?

a. 0,1 b. 0,01 c. 0,001 d. 0,0001

Câu 10: Hai đơn vị đo diện tích liền nhau, đơn vị bé bằng bao nhiêu phần đơn vị lớn bao nhiêu lần?

a. 0,1

b. 0,01

c. 0,001

d. 0,0001

II/ Tự luận

Bài 1

1mm =cm

1cm = m

1m = Km

1dm = m

Bài 2

1kg=..... tấn

1kg= tạ

1g=..... Kg

1dag =kg

Bài 3

1ha=..... km²

1cm²= m²

1ha= km²

1m²= km²

1dam²= km²

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ 14 m² 5 dm² =m²

b/ 15 ,2 kg =tấn

15, 2 dam² = ha

15 m 2 cm =cm

Bài 5/ Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a/ 98,73 km = dam

b/43,6 dam² =hm²

a/789 kg = tấn

b/ 2kg43 dag = kg

Bài 6: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. 60000cm² = dm²

b. 25,07m² = dm²

a. $9 \text{ m}^2 413 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

b. $547,6 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

Bài 7 Điền số hoặc đơn vị thích hợp vào chỗ trống

a / $\frac{1}{4} \text{ m}^2 = 0,25\dots\dots\dots$

b / $4 \text{ m}^2 2 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

Bài 8: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ $201300 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{m}$

b/ $3,05 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{dm}$

c/ $815 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

d/ $18 \text{ yến} = \dots\dots\dots \text{kg}$

Bài 9: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ $62 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{dag}$

b/ $6,48 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{cm}$

c/ $8,05 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

c/ $8 \text{ m}^2 4 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

Bài 10: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ $16 \text{ dam}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

b/ $8,4 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

a/ $16 \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{yến}$

b/ $5,4 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{kg}$